

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST

Ngày: 16/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và ông Phan Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/TLST-HS ngày 25/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 03/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 17/4/1994 tại xã ĐD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn TN, xã ĐD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình T và bà Phan Thị Ng; vợ con: Chưa có; tiền sự: Không có; tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 30/7/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/02/2015 chấp hành xong bản án;

- Ngày 25/6/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh xác định tái phạm và xử 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/3/2017 chấp hành xong bản án;

Bị cáo bị tạm giam ngày 01/11/2017 cho đến nay - Có mặt .

2. Họ và tên: **Thái Mạnh H**, tên gọi khác: B, sinh ngày 20/12/1980 tại xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn NL, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thái Bá Nh và bà Nguyễn Thị T; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không có;

Nhân thân: Ngày 28/02/2006, bị TAND huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 22/8/2006 chấp hành xong bản án;

- Ngày 17/01/2008 bị UBND tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, ngày 18/3/2010 chấp hành xong quyết định;

- Ngày 19/4/2010 bị TAND huyện LH, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 29/6/2012 chấp hành xong bản án;

- Ngày 28/02/2013 bị TAND TPV, tỉnh Nghệ An xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 28/01/2015 chấp hành xong bản án;

Bị cáo tạm giam ngày 01/11/2017 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*:

1. Trần Thị M; sinh năm 1974; nơi cư trú: Phường TQ, thành phố HT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Nhân viên - Vắng mặt.

2. Phạm Tuấn A; sinh năm 1987; nơi cư trú: Xã HM, huyện VQ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng - Vắng mặt.

3. Phạm Thị Thanh H; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn CL, xã TA, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Y tá - Có mặt.

4. Nguyễn Viết Tr; sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn BTA, xã TY, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Thợ mộc - Có mặt.

5. Đinh Thi Tr; sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn M, xã ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Trần Ngọc Tr; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn HC, xã ĐA, ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh - Vắng mặt.

2. Lê Duy H; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn VP, xã PL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Vắng mặt.

3. Nguyễn Khắc Đ; sinh năm: 1982; Xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do - Vắng mặt

4. Nguyễn Đình T; sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn TN, xã ĐD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1997; trú tại: Thôn VP, xã PL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

2. Trịnh Văn S, sinh năm 1993; trú tại: Thôn VP, xã PL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Vào khoảng 19 giờ 28/10/2017, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha, biển kiểm soát 38V1-5576 đi đến nhà Thái Mạnh H và rủ H đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà, Tùng nói: “*Ta đi kiểm chiếc xe*” (Ý rủ H đi trộm cắp xe mô tô). H đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô nói trên chở T đi theo đường quốc lộ 15A tới xã ĐT, huyện ĐT. Khi đi qua trang trại chăn nuôi của chị Đinh Thị Tr ở thôn M, xã ĐT, huyện ĐT thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, biển kiểm soát 38V1-1750 của chị Tr đang dựng trước trang trại. Quan sát không nhìn thấy người trông coi, T liền đưa “vám” phá khóa (mang theo sẵn) cho H và nói: “*Lại phá khóa đi*”. H cầm lấy “vám” đi tới phá ổ khóa điện xe nhưng không được, nên dắt xe lại vị trí T đang đứng, thì T dùng “vám” phá khóa điện rồi điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được, cùng H điều khiển xe mô tô của T, đi theo Quốc lộ 15A tới huyện CL. Trên đường đi, T gọi điện cho bạn là Trịnh Văn S, trú tại thôn VP, xã PL, huyện CL, hỏi: “*Có biết ai mua xe Wave an pha không*”. S trả lời: *Không biết, để hỏi đã*. Sau đó, S giới thiệu cho Nguyễn Khắc Đ ở xã TL, huyện CL, mua chiếc xe này với giá 2.500.000đồng. Số tiền này, T đưa cho H 1.500.000đồng, còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản huyện ĐT xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát 38V1-1750, trị giá 8.000.000 đồng.

- *Vụ thứ hai:* Vào khoảng 18 giờ ngày 01/10/2017, Nguyễn Đức T bắt xe buýt vào thành phố Hà Tĩnh để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà chị Trần Thị M, trú tại phường TQ, thành phố Hà Tĩnh, phát hiện thấy chiếc xe mô tô Honda Air blade, biển kiểm soát 38T1-3383 của chị M đang dựng ở sân. Quan sát không thấy người trông coi, T liền đi tới dùng “vám” (mang theo sẵn) phá ổ khóa điện, rồi điều khiển xe vừa lấy trộm được lên huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh, bán cho một người đàn ông không quen biết được 4.000.000 đồng. Số tiền bán xe T đã tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản huyện ĐT xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 38T1-3383, trị giá 10.200.000đồng.

- *Vụ thứ ba:* Vào khoảng 22 giờ ngày 08/10/2017, Nguyễn Đức T đi đến phòng trọ của anh Phạm Tuấn A (Quê ở xã HM, huyện VQ) thuê trọ ở phường TP, thành phố Hà Tĩnh, thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, biển kiểm soát 38N5-8272 của anh A đang dựng ở trước phòng trọ nhưng không có người trông coi, nên T đi tới dùng “vám” phá ổ khóa điện, rồi điều khiển xe đến hiệu cầm đồ Trường Phát của Trần Ngọc Tr ở thôn HC, xã ĐA, huyện ĐT, cầm cố được 3.000.000 đồng. Số tiền này, T cho Thái Mạnh H 200.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản huyện ĐT xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, biển kiểm soát 38N5-8272, trị giá 9.600.000 đồng.

- *Vụ thứ tư*: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/10/2017, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 38V1-5576 đến nhà rủ Thái Mạnh H đi trộm cắp tài sản. H đồng ý và điều khiển xe mô tô chở T đi đến quán Tùng Xẻo thôn CL, xã TA, huyện ĐT thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha, biển kiểm soát 38D1-092.64 của chị Phạm Thị Thanh H, trú tại thôn CL, xã TA, huyện ĐT đang dựng phía trước quán. Nhìn thấy xung quanh không có ai để ý, T liền đi tới dùng “vạm” phá ổ khóa điện, rồi điều khiển chiếc xe mô tô nói trên đến huyện CL để tiêu thụ. Trên đường đi T gọi điện thoại cho Trịnh Văn S và hỏi: Có chiếc xe Wave an pha có mua không. Sơn không mua mà giới thiệu cho Lê Duy H, trú tại thôn VP, xã PL, huyện CL mua chiếc xe này, với giá 3.500.000 đồng. Số tiền bán xe, T đưa cho Thái Mạnh H 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài các nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản huyện ĐT xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha, biển kiểm soát 38D1-092.64, trị giá 7.000.000 đồng.

- *Vụ thứ năm*: Vào khoảng 19 giờ ngày 26/10/2017, Nguyễn Đức T tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 38V1-5576 đến nhà rủ Thái Mạnh H đi trộm cắp tài sản. H đồng ý, điều khiển xe mô tô đi theo đường liên xã tới xã TY, huyện ĐT. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Viết Tr ở thôn Bình Tiến A, xã TY, huyện ĐT, thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 38D1 - 171.55 của anh Tr đang dựng ở sân mà không có người trông coi, nên T đi tới mở khóa (do chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe), rồi điều khiển xe vừa lấy trộm được, cùng H điều khiển xe mô tô của T lên huyện VQ bán cho một người đàn ông không quen biết được 4.000.000 đồng. Tùng đưa cho Thái Mạnh H 2.000.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài các nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản huyện ĐT xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 38V1-5576, trị giá 16.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 01/CTr-KSĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điểm b,c,e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo Thái Mạnh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm b, c, e Khoản 2 Điều 138; tiết một Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; tiết một Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án tù 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (01/11/2017).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; tiết một Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Thái Mạnh H mức án từ 24 (Hai bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (01/11/2017).

* *Về phần dân sự*: Người bị hại chị Phạm Thị Thanh H, chị Đinh Thị Tr, anh Phạm Tuấn (đã nhận lại tài sản) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Tr, anh Lê Duy H, anh Nguyễn Khắc Đ đều không có yêu cầu bồi thường gì. Còn anh Nguyễn Viết Tr yêu cầu bồi thường số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), chị Đinh Thị M yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa các bị cáo đã chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại.

* *Về biện pháp tư pháp*: 01 thanh sắt chữ T (vạm phá khóa) phần trên dài 20cm, phần dưới mỗi bên dài 12cm, vỏ ngoài được bọc bằng băng dính màu đen là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 12.000.000 đồng các bị cáo có được do bán xe mô tô trộm cắp và đã sử dụng hết, xét cần truy thu sung công quỹ Nhà nước theo kỹ phần: Nguyễn Đức T 12.300.000 đồng, Thái Mạnh H 4.700.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận trong khoảng thời gian tháng 10/2017 (Không nhớ ngày cụ thể) đã thực hiện 05 hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Hà Tĩnh và huyện Đức Thọ, được hưởng lợi số tiền 12.300.000đ, trong đó có ba lần thực hiện hành vi cùng Thái Mạnh H.

Bị cáo Thái Mạnh H khai nhận trong tháng 10/2018 (Không nhớ ngày) đã thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đức Thọ cùng với Nguyễn Đức T, được hưởng lợi số tiền 4.700.000đ, trong đó có một lần T cho 200.000đ.

Người bị hại chị Phạm Thị Thanh H khai vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/10/2017, tại quán thịt dê Tùng Xẻo thuộc địa phận xã TA, huyện ĐT chị bị mất chiếc xe Honda Wave S, biển kiểm soát 38V1-5576, hiện nay xe đã nhận lại và không yêu gì.

Còn anh Nguyễn Viết Tr khai vào ngày 26/10/2017 anh dựng chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 38V1-5576 tại sân nhà ở thôn Bình Tiến A xã TY, chìa khóa để ở xe. Khoảng 19 giờ 30 phút nghe tiếng xe nổ, chạy ra thì phát hiện xe đã bị kẻ gian lấy chạy mất. Hiện nay, chưa nhận lại xe và yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá xe là 16.000.000đ theo giá mà hội đồng định giá đã đưa ra.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người liên quan và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đức T, Thái Mạnh H đã khai nhận: Trong khoảng thời gian tháng 10/2017, Nguyễn Đức T, Thái Mạnh H lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã độc lập và cùng nhau 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện ĐT và địa bàn thành phố Hà Tĩnh, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 50.800.000đ. Trong đó, Nguyễn Đức T thực hiện 05 hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt 50.800.000đ, còn Thái Mạnh H thực hiện 03 hành vi, tài sản chiếm đoạt là 31.000.000đ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại có mặt cũng như tại hồ sơ và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có tại hồ sơ về thời gian, không gian, địa điểm phạm tội, đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Năm 2014 Nguyễn Đức T bị Tòa án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2015 Nguyễn Đức T tiếp tục tái phạm, bị Tòa án nhân dân thị xã HL, tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 27 tháng tù cũng về tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo T thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” và trong thời gian ngắn đã năm lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, những lần thực hiện hành vi phạm tội đó đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị cáo lấy tiền do phạm tội mà có để làm nguồn sống chính cho bản thân nên thuộc trường hợp “*Có tính chất chuyên nghiệp*”. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt trên năm mươi triệu đồng. Vì vậy, theo quy định tại Điểm c, b, e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; đây là các tình tiết định khung tăng nặng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ đã áp dụng truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là chính xác. Còn bị cáo Thái Mạnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương không chịu tu dưỡng, lao động. Chỉ vì động cơ muốn có tiền để tiêu xài mà các bị cáo lợi dụng lúc các chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây ra thiệt hại về mặt tài sản cho người bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử, lên mức án ương xứng với hành vi, hậu quả đã gây ra nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong thời gian ngắn mà bị cáo Nguyễn Đức T đã năm lần thực hiện hành vi, Thái mạnh H ba lần thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi bị bắt đã khai nhận các hành vi đã thực hiện trước đó nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, o Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong vụ án này, Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê người khác phạm tội, chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đưa tài sản đi tiêu thụ và được hưởng lợi số tiền 12.300.000 đồng nên giữ vai trò chính trong vụ án. Còn bị cáo Thái Mạnh H là người trực tiếp nhận ý chỉ, tích cực giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và được hưởng lợi số tiền 4.700.000 đồng, nên giữ vai trò đồng phạm sau bị cáo T. Xét tính chất của vụ án, vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử cần cách ly Nguyễn Đức T và Thái Mạnh H ra khỏi xã hội một thời gian như vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp để cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án này, Trịnh Văn S là người giới thiệu bán hai chiếc xe do các bị cáo trộm cắp mà có; Lê Duy H, Nguyễn Khắc Đ là những người mua xe mô tô do các bị cáo đem bán và Trần Ngọc Tr là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô cho bị cáo T, nhưng quá trình giới thiệu, mua, cầm cố các tài sản này, S, H, Đ và Tr không biết được các tài sản này là do phạm tội mà có, nên điều không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Còn bị cáo Thái Mạnh H đã có hành vi đưa bị cáo Nguyễn Văn T đi cầm cố 01 chiếc xe mô tô cho Trần Ngọc Tr, nhưng không biết chiếc xe này là do phạm tội mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này.

Đối với hai người đàn ông không quen biết ở huyện Hương Sơn và huyện Vũ Quang, theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T đã mua hai chiếc xe mô tô do bị cáo đem bán, nhưng do còn thiếu thông tin nên không xác định được những người này để điều tra xử lý.

** Về phần dân sự:* Người bị hại chị Phạm Thị Thanh H, chị Đinh Thị Tr, anh Phạm Tuấn A đều đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Tr, anh Lê Duy H, anh Nguyễn Khắc Đ đều không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Mai vắng mặt nhưng lời khai của chị Trần Thị M có tại hồ sơ yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); tại phiên tòa bị cáo T chấp nhận bồi thường cho chị M số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Còn anh Nguyễn Viết Trí yêu cầu bồi thường số tiền 16.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Tùng và bị cáo Hoàn chấp nhận bồi thường cho ông Nguyễn Viết Trí số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Kỷ phần mỗi bị cáo bồi thường cho ông Trí 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Xét việc tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại của các bị cáo theo yêu cầu người bị hại là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này theo quy định tại Điều 275; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về biện pháp tư pháp:* 01 thanh sắt chữ T (vạm phá khóa) phần trên dài 20cm, phần dưới mỗi bên dài 12cm, vỏ ngoài được bọc bằng băng dính màu đen là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003.

- Số tiền do bán tài sản trộm cắp mà có 17.000.000đ (Bị cáo Nguyễn Đức T hưởng lợi 12.300.000 đồng, Thái Mạnh H 4.700.000 đồng), trong số tiền trên có hai chiếc xe của chị Trần Thị M và của anh Nguyễn Viết Tr chưa thu hồi nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại nên phần thu lợi từ việc bán hai chiếc xe này (Bị cáo T 6.000.000đ, bị H 2.000.000) Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo nộp lại. Còn số tiền 9.000.000đ (Bị cáo T hưởng lợi 6.300.000đ, bị cáo Hoàn 2.700.000) đây là khoản tiền bán xe do phạm tội mà có và xe đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Thái Mạnh H phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra đã xác định được, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38N5-8272 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là của anh Phạm Tuấn A; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, sơn màu đen, số khung 1210DY-206206, số máy HC12E-5205981, không có biển kiểm soát là của chị Phạm Thị Thanh H; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, sơn màu đen - xám, số khung 43199Y650144, số máy JC43E067662, không có biển kiểm soát là của chị Đinh Thị Tr, cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản nói trên cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, sơn màu đen, biển kiểm soát 38V1-5576 là của ông Nguyễn Đình T (bố của bị cáo Tùng). Quá trình bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội ông T không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe này cho ông Tiếp là có căn cứ.

Riêng chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia mà bị cáo T sử dụng liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội đã bị mất trong quá trình sử dụng, nên không thể thu giữ được.

** Về án phí và quyền kháng cáo:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 3; Điều 9; Khoản 1 Điều 21; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH (khóa 14) về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Thái Mạnh H (tên gọi khác là B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b, c, e Khoản 2 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (01/11/2017).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53: Xử phạt bị cáo Thái Mạnh H (Tên gọi khác B) 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (01/11/2017).

2. Về dân sự: Áp dụng các Điều 275; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Nguyễn Đức T, Thái Mạnh H và người bị hại như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Thái Mạnh H liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Viết Tr ở thôn Bình Tiến A, xã TY, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng). Kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Tr là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường cho chị Trần Thị M ở khối 6, phường NH thành phố HT, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Thái Mạnh H không thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với số tiền chậm thi hành. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt chữ T (vạm phá khóa) phân trên dài 20cm, phần dưới mỗi bên dài 12cm, vỡ ngoài được bọc bằng băng dính màu đen. Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT và chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) và bị cáo Thái Mạnh H phải nộp lại số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước .

4. *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 98, các khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 3; Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Khoản 1,3 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử buộc Nguyễn Đức T và Thái Mạnh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 1.400.000 (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) và bị cáo Thái Mạnh H phải nộp 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh (1);
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (1);
- VKSND huyện Đức Thọ (1);
- CA huyện Đức Thọ (1);
- Chi cục THADS Đức Thọ (1);
- Các bị cáo (2);
- Bị hại (5);
- Người có QLNVLQ (4);
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Như